TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2024.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Quốc Kỳ và ông Hoàng Bá Viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Quách Thị P**, sinh năm 1987 *(vắng mặt có lý do);*

Bị đơn: Anh **Bùi Văn Đ**, sinh năm 1984 *(vắng mặt không có lý do);*

Cùng cư trú tại: Xóm TN, xã T, huyện CP, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/3/2024, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị P và anh Bùi Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 06/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CP, tỉnh H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị P và è chung sống tại xóm TN, xã T, huyện CP, tỉnh H. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc được khoảng 14 năm đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của nhau, anh Đ đi làm ăn xa nhà, bỏ bê không quan tâm đến vợ con, không mang tiền về nuôi con, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị P xác định tình cảm vợ

chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

- Về con chung: Chị P và anh Đ có 02 con chung là Bùi Xuân T, sinh ngày 30/01/2009 và cháu Bùi Thị Minh Đ, sinh ngày 23/02/2012. Hiện tại các cháu đang sống cùng chị Phượng, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Nguyện vọng của chị Phượng sau khi ly hôn muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con, lý do vì các cháu sống với chị từ nhỏ, do chị trực tiếp chăm sóc, anh Đ thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến con nên không đảm bảo được việc nuôi con. Chị Phượng chưa đề nghị anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Chưa yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn Đ thường không có mặt tại địa phương, Toà án đã tiến hành xác minh được biết anh Đ đi đâu không khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên anh Đ vẫn về qua nhà và có nhắn tin và gọi điện qua điện thoại với chị P nhưng không cho chị P biết địa chỉ anh đang ở đâu. Xét thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Toà án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Toà án đã thực hiện thủ tục cấp tống đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Toà án không thể ghi nhận được lời khai của anh Đ.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng chị P và anh Đ cơ bản là do quan điểm sống không hợp nhau, anh Đ không quan tâm đến gia đình, vợ, con, đi làm ở đâu không cho ai biết dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, anh Đ vẫn có hộ khẩu tại địa phương nhưng anh Đ đi đâu làm gì không rõ, thỉnh thoảng có về qua nhà rồi lại đi.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Bùi Xuân T và cháu Bùi Thị Minh Đ cả 02 cháu đều có ý kiến là có nguyện vọng ở cùng với mẹ là chị Quách Thị P.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Toà án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Quách Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn Đ. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Xuân T và cháu Bùi Thị Minh Đ cho đến khi cháu T và cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị P chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Chị P chưa yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về công nợ chung: Chị P xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Quách Thị P khởi kiện anh Bùi Văn Đ là vụ án dân sự tranh chấp " Ly hôn", căn cứ vào sổ hộ khẩu gia đình anh Đ có nơi cư trú tại xóm Thiều Nau, xã T, huyện CP, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CP.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa ngày 03/6/2024, nguyên đơn chị Quách Thị P có mặt, bị đơn anh Bùi Văn Đ vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, nên HĐXX hoãn phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn chị Quách Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ 2, anh Đ đã được Tòa án niêm yết các văn bản giấy tờ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên

đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 06/3/2008, do UBND xã T, huyện CP, tỉnh H cấp, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Quách Thị P và anh Bùi Văn Đ là hợp pháp. Trong quá chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh Đ đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con, không mang tiền về nuôi con. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Chị Phượng và anh Đ không hợp nhau về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau, anh Đ đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ, con, hiện tại chị Phượng và anh Đ đã sống ly thân gần 3 năm cả hai không còn quan tâm gì đến cuộc sống, sinh hoạt của nhau đúng như chị Phượng đã trình bày. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy: Hôn nhân giữa chị Phượng và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Quách Thị P.

[3]. Về con chung: Xác định chị Phượng và anh Đ có 02 con chung là Bùi Xuân T, sinh ngày 30/01/2009 và cháu Bùi Thị Minh Đ, sinh ngày 23/02/2012. Hiện tại các cháu đang sống cùng chị Phượng, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Nguyện vọng của chị P sau khi ly hôn muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con, lý do vì các cháu sống với chị từ nhỏ, do chị trực tiếp chăm sóc, anh Đ thường xuyên vắng nhà không quan tâm gì đến con nên không đảm bảo được việc nuôi con. Chị P chưa đề nghị anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con sau khi ly hôn. Cháu Trường và cháu Đan đều có nguyện vọng ở với chị Phượng. Xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị P, giao cho chị Quách Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Xuân T, sinh ngày 30/01/2009 và cháu Bùi Thị Minh Đ, sinh ngày 23/02/2012 cho đến khi cháu Trường và cháu Đan đủ 18 tuổi. Chị P chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh Đ chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị Quách Thị P chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị P xác nhận không có công nợ chung. Nên HĐXX không xem xét.

Anh Bùi Văn Đ vắng mặt không có lời khai về tài sản chung và công nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Quách Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quách Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Quách Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Xuân T, sinh ngày 30/01/2009 và cháu Bùi Thị Minh Đ, sinh ngày 23/02/2012 cho đến khi cháu T và cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn Đ chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về án phí: Chị Quách Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0002854 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh H;*
- *TAND tỉnh H;*
- *VKSND huyện CP;*
- *THADS huyện CP;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh